

Số: 46 /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường, xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.
- Tổ chức, cá nhân và các đối tượng khác có liên quan sử dụng đất nông nghiệp.

#### Điều 3. Xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được quy định tại điểm c khoản 7 Điều 4 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.



3. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng tại nhiều vị trí trong khu đất nhưng tổng diện tích không vượt quá quy định tại điểm a, b, c, d khoản 4 Điều này. Diện tích đất xây dựng công trình theo quy định tại Quyết định này không phải thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất và vẫn được thống kê là đất nông nghiệp.

Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng phải nằm ngoài đất xây dựng các công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn theo quy định tại Điều 210 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Điều 97 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

4. Diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

a) Diện tích khu đất (tổng diện tích của một hoặc nhiều thửa đất liền kề) từ 0,5 ha (không phải năm hecta) đến dưới 5 ha (năm hecta) được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50 m<sup>2</sup> (năm mươi mét vuông);

b) Diện tích khu đất từ 5 ha (năm hecta) đến dưới 10 ha (mười hecta) được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100 m<sup>2</sup> (một trăm mét vuông);

c) Diện tích khu đất từ 10 ha (mười hecta) đến dưới 20 ha (hai mươi hecta) được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 200 m<sup>2</sup> (hai trăm mét vuông);

d) Diện tích khu đất từ 20 ha (hai mươi hecta) trở lên, tỷ lệ diện tích công trình xây dựng tối đa 0,001% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp nhưng không vượt quá 500 m<sup>2</sup> (năm trăm mét vuông).

#### **Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang xây dựng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối với diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp chưa triển khai xây dựng thì thực hiện theo Quyết định này.



## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.
2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp vi phạm pháp luật trên đất thuộc địa bàn quản lý; tổng hợp khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo xử lý (nếu có).

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN (Phụ lục 10 b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hoàng**

